

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 10-BCBSP/HĐLF/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Tập đoàn Dinh dưỡng HADALIFA

Địa chỉ: Số 65 đường Lam Sơn, phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0947 816 630

Email: ngucoc.hadalifa@gmail.com

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 2902171504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16/6/2025, thay đổi lần 01 ngày 22/7/2025.

Số giấy chứng nhận TCVN ISO 22000:2018/ISO 22000:2018 Số GL 0777/2025-FSMS ngày 08 tháng 11 năm 2025 của Công ty CP Chứng nhận GLOBALCERT và có hiệu lực ngày 08/11/2025.



II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: HADALIFA NGŨ CỐC DINH DƯỠNG VỊ SOCOLA

2. Thành phần: Đậu xanh, đậu gà, đậu đỏ, đậu lăng, đậu Hà Lan, yến mạch, gạo lứt, hạt sen, hạt chia, hạt bí xanh, hạt lanh, hạt diêm mạch (quinoa), hạt óc chó, hạt hạnh nhân, đậu xanh mầm, đậu đỏ mầm, đậu đen mầm, bột cà rốt, bột chuối, bột bí đỏ, bột béo thực vật (ProFat Omega), Multi- base, bột kem thực vật, maltodextrin, dextrose, bột cacao nguyên chất (2,5%), hương socola tự nhiên, chất tạo ngọt tự nhiên Stevia.

3. Thời hạn sử dụng: 18 tháng kể từ ngày sản xuất (NSX in trên bao bì).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 25g, 250g, 500g, 1kg, 2kg và theo yêu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì: Màng ghép PET/AL/ CPP đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (dự kiến): Đính kèm hồ sơ.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Sản phẩm HADALIFA NGŨ CỐC DINH DƯỠNG VỊ SOCOLA do Công ty Cổ phần Tập đoàn Dinh dưỡng HADALIFA sản xuất và kinh doanh đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

• Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

• Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

• Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

• Thực hiện ghi nhãn sản phẩm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hoá.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn của sản phẩm đã công bố.

Cửa Lò, ngày 16 tháng 11 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)



Phan Thị Liên

PHỤ LỤC 01: MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. **Tên sản phẩm:** HADALIFA NGŨ CỐC DINH DƯỠNG VỊ SOCOLA

2. **Cơ sở sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm:** Công ty Cổ phần Tập đoàn Dinh dưỡng HADALIFA

Địa chỉ: Số 65 đường Lam Sơn, phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0947 816 630

3. **Xuất xứ hàng hoá:** Việt Nam

4. **Khối lượng tịnh:** 25g, 250g, 500g, 1kg, 2kg hoặc theo yêu cầu khách hàng.

5. **Ngày sản xuất:** Ghi trên bao bì.

6. **Hạn sử dụng:** 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

7. **Thành phần:** Đậu xanh, đậu gà, đậu đỏ, đậu lăng, đậu Hà Lan, yến mạch, gạo lứt, hạt sen, hạt chia, hạt bí xanh, hạt lanh, hạt diêm mạch (quinoa), hạt óc chó, hạt hạnh nhân, đậu xanh mầm, đậu đỏ mầm, đậu đen mầm, bột cà rốt, bột chuối, bột bí đỏ, bột béo thực vật (ProFat Omega), Multin- base, bột kem thực vật, maltodextrin, dextrose, bột cacao nguyên chất (2,5%), hương socola tự nhiên, chất tạo ngọt tự nhiên Stevia.

8. **Giá trị dinh dưỡng (trên 100g):**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
1	Năng lượng	kcal/100g	414	
2	Đạm	g/100g	8,69	
3	Carbohydrate	g/100g	76,5	
4	Chất béo	g/100g	8,19	
5	Natri	mg/100g	138	

9. **Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng, hết hạn hoặc bao bì rách nát.

10. **Hướng dẫn sử dụng:** Đun nước sôi để nguội khoảng 5 phút, nhiệt độ hạ 80 – 90°C,

- Cách 1: Cho 25g bột pha với 180–200ml nước, đánh đều và sử dụng,

- Cách 2: Cho 1 gói 500g pha với 3,5 – 4 lít nước, đánh đều để khoảng 15-20p nhiệt độ về dưới 30°C và sử dụng,

11. **Hướng dẫn bảo quản:** Đậy kín nắp sau khi sử dụng, để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.





BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 63573/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 41744/PKN-VKNQG ngày 20 tháng 07 năm 2025

- Tên mẫu: HADALIFA NGŨ CỐC DINH DƯỠNG VỊ SOCOLA
- Mã số mẫu: 06259181/DV.4
- Mô tả mẫu: Mẫu đóng hộp, 1 kg/hộp. Số lượng: 1.
NSX: 31/05/2025 - HSD: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 06/06/2025
- Thời gian thử nghiệm: 06/06/2025 - 20/07/2025
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DINH DƯỠNG HADALIFA
Địa chỉ: Số 65, Đường Lam Sơn, Phường Cửa Lò
Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Hàm lượng Carbohydrat tổng số	g/100g	NIFC.02.M.06	76,5
9.2*	Hàm lượng chất xơ tổng	g/100g	TCVN 9050:2012	3,14
9.3*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	27,0
9.4*	Hàm lượng Protein	g/100g	TCVN 8125:2015	8,69
9.5*	Hàm lượng Vitamin A (Beta caroten)	µg RE/100g	NIFC.02.M.22 (LC-MS/MS)	3,64
9.6*	Hàm lượng Vitamin B1 (Thiamin)	mg/100g	NIFC.02.M.16 (Ref. TCVN 5164:2018)	0,032
9.7*	Hàm lượng Vitamin D3 (Cholecalciferol)	µg/100g	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1)
9.8	Năng lượng (tính từ Protein, Lipid Carbohydrat tổng số)	kcal/100g	NIFC.02.M.06	414

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thuận Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam

Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hotline: 085 929 9595

Email: vkn@nifc.gov.vn

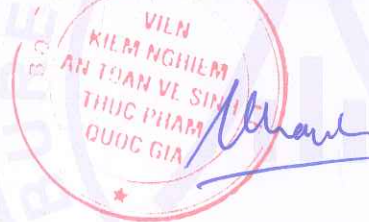
Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.9*	Hàm lượng Calci	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	92,6
9.10*	Hàm lượng Natri	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	138
9.11*	Hàm lượng Lipid	g/100g	NIFC.02.M.04	8,19

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)
Phương pháp NIFC.02.M.13 (HPLC-RID) được công nhận phù hợp với yêu cầu của TCVN
ISO/IEC 17025:2017 đối với chỉ tiêu: Glucose, Fructose, Sucrose, Lactose, Maltose.
Đổi tên mẫu theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



ThS. Cao Công Khánh

VILAS 203

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 63573/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 41744/PKN-VKNQG ngày 20 tháng 07 năm 2025

- Tên mẫu: HADALIFA NGŨ CỐC DINH DƯỠNG VỊ SOCOLA
- Mã số mẫu: 06259181/DV.4
- Mô tả mẫu: Mẫu đóng hộp, 1 kg/hộp. Số lượng: 1.
NSX: 31/05/2025 - HSD: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 06/06/2025
- Thời gian thử nghiệm: 06/06/2025 - 20/07/2025
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DINH DƯỠNG HADALIFA
Địa chỉ: Số 65, Đường Lam Sơn, Phường Cửa Lò
Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Hàm lượng Carbohydrat tổng số	g/100g	NIFC.02.M.06	76,5
9.2*	Hàm lượng chất xơ tổng	g/100g	TCVN 9050:2012	3,14
9.3*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	27,0
9.4*	Hàm lượng Protein	g/100g	TCVN 8125:2015	8,69
9.5*	Hàm lượng Vitamin A (Beta caroten)	µg RE/100g	NIFC.02.M.22 (LC-MS/MS)	3,64
9.6*	Hàm lượng Vitamin B1 (Thiamin)	mg/100g	NIFC.02.M.16 (Ref. TCVN 5164:2018)	0,032
9.7*	Hàm lượng Vitamin D3 (Cholecalciferol)	µg/100g	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1)
9.8	Năng lượng (tính từ Protein, Lipid Carbohydrat tổng số)	kcal/100g	NIFC.02.M.06	414

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam

Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hotline: 085 929 9595

Email: vkn@nifc.gov.vn

Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.9*	Hàm lượng Calci	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	92,6
9.10*	Hàm lượng Natri	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	138
9.11*	Hàm lượng Lipid	g/100g	NIFC.02.M.04	8,19

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)
Phương pháp NIFC.02.M.13 (HPLC-RID) được công nhận phù hợp với yêu cầu của TCVN
ISO/IEC 17025:2017 đối với chỉ tiêu: Glucose, Fructose, Sucrose, Lactose, Maltose.
Đổi tên mẫu theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



ThS. Cao Công Khánh

VILAS 203

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



Mã số/ Code: DV142511237/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/** : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DINH DƯỠNG HADALIFA
Customer's Name
- Địa chỉ/** : Số 65 Đường Lam Sơn, Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Address
- Tên mẫu thử/** : HADALIFA NGŨ CỐC DINH DƯỠNG VỊ SOCOLA
Name of Sample
- Mô tả mẫu/** : Mẫu nguyên thành phẩm, đựng trong hộp giấy. Khối lượng: 1 Kg/hộp; số lượng: 01 hộp
Sample Description
- Ngày nhận mẫu/** : 25/10/2025
Date sample received
- Thời gian lưu mẫu/** : Không có mẫu lưu
Sample retention time
- Ngày thử nghiệm/** : 25/10/2025-07/11/2025
Date of test
- Ngày trả kết quả/** : 18/12/2025
Date of issue

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
2	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
3	Thiếc (Sn) **	mg/kg	KPH (LOD = 0,03)	N79-R-RD1-TP-16655 (Tham khảo AOAC 2015.01)
4	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2) *	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
5	Aflatoxin B1 *	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
6	Ochratoxin A (OTA) *	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)
7	Deoxynivalenol (DON) *	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)
8	Zearalenone (ZEN) *	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181 (2021)
9	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	5,0x10 ¹	TCVN 4884-1:2015

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142511237/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
10	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010
11	Coliforms *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007
12	<i>E. coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008
13	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	KPH (LOD = 10)	AOAC 975.55
14	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005
15	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện

- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

- Phiếu kết quả mã số DV142511237/02 thay thế cho Phiếu kết quả mã số DV142311000/04 ký ngày 07/11/2025, theo yêu cầu của khách hàng tại Đơn thay đổi thông tin số 68/CV/HĐLF/2025 ký ngày 11/12/2025

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

THS. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.